

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/HS-ST

Ngày 25-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Vân;

Ông Đinh Công Hoạt

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Đàm Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ma Văn D**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1987 tại C, T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Ma Văn L, sinh năm 1964; con bà Nông Thị N, sinh năm 1967; vợ: Đàm Thị K, sinh năm 1987; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày 23/7/2014 về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” tại Bản án số 04/2014/HSST ngày 23/7/2014.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đàm Thị K, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn D: Bà Trần Thị T - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; Có mặt.

Người làm chứng:

- Dương Văn H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

- Nguyễn Tuyết H1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 40 phút ngày 24/10/2024 tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra về trật tự xã hội Công an tỉnh C làm nhiệm vụ tại xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện 03 người đang đứng cách hàng rào biên giới Việt Nam – Trung Quốc khoảng 100 mét có dấu hiệu thực hiện hành vi xuất cảnh trái phép gồm: 01 người đàn ông ngồi trên xe mô tô biển kiểm soát 11B1 -187.91; Dương Văn H (sinh năm 1976, trú tại Tổ A, thị trấn T, huyện T); Nguyễn Tuyết H1 (sinh năm 1988, trú tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre) bế theo 01 cháu bé nam giới khoảng 06 ngày tuổi, phát hiện lực lượng chức năng người đàn ông ngồi trên xe mô tô điều khiển xe bỏ chạy. Tổ công tác tiến hành lập biên bản vụ việc, đưa H và H1 cùng cháu bé về trụ sở làm rõ.

Kết quả điều tra xác định được: Khoảng 23 giờ ngày 23/10/2024 Ma Văn D (sinh năm 1987, trú tại xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng) được một người Trung Quốc không rõ tên, địa chỉ sử dụng tài khoản Wechat “S886” liên lạc thuê D đến nhà nghỉ N1 tại Tổ C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng đón 02 người lớn và 01 cháu bé chở đến khu vực mốc 738 thuộc địa phận xóm B, thị trấn T, huyện T để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 2.500.000 đồng, D đồng ý. Sau đó người Trung Quốc lập nhóm W gồm D và 03 người khác để liên lạc trao đổi đón người. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/10/2024 D điều khiển xe mô tô đến chợ thị trấn T, thuê Dương Văn H (là lái xe ôm) chở 01 người với tiền công là 30.000 đồng, H đồng ý. Sau đó D cùng H mỗi người điều khiển 01 xe mô tô đến nhà nghỉ N1 thì gặp Nguyễn Tuyết H1 bế 01 cháu bé cùng một người đàn ông tên là Trần M (không rõ địa chỉ) đang đứng chờ, D chở M đi trước đến hàng rào biên giới giao M cho một người Trung Quốc xuất cảnh trót lọt, giao người xong D quay lại thì gặp H đang chở H1 cùng cháu bé đi đến, phát hiện lực lượng chức năng làm nhiệm vụ D chạy thoát còn H, H1 cùng cháu bé bị giữ lại.

Tại Cơ quan điều tra bị can Ma Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi nêu trên của bị can D đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công

an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSCB-P1 ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Ma Văn D về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Ma Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là đúng. Về chiếc xe máy bị tạm giữ, là tài sản của vợ chồng, đề nghị được xem xét trả lại vì gia đình có 01 chiếc xe máy này.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị K khai: Bà là vợ của Ma Văn D, chiếc xe máy biển kiểm soát 11B1-187.91, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: YAMAHA chiếc xe máy này chồng bà là Ma Văn D mua lại xe cũ với cửa hàng xe máy ở ngoài thành phố với số tiền 7.000.000đ, mua bán không làm giấy tờ gì, nguồn tiền mua xe do vợ chồng tích cóp mà có. Bà không biết chồng sử dụng xe đi để đưa người xuất cảnh trái phép. Bà đề nghị Tòa trả lại chiếc xe máy để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy tố đối với Ma Văn D về tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ma Văn D phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Ma Văn D từ 18-24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo:

- 01 (một) xe mô tô Biển kiểm soát: 11B1-187.91, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS FI, màu sơn: Đen Xám; số máy: E3T6E142635, số khung: RLCUE1710GY095030, dung tích xi lanh: 113cm³, số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2016, xe đã qua sử dụng, yên xe bị bục rách, vỏ xe có

nhiều vết xước đã cũ; Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C thu giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nói trên (có 01 chìa khóa xe kèm theo).

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 08/11/2024 của Phòng C Công an tỉnh C.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A31, màu đỏ, đã qua sử dụng được niêm phong trong 01 (một) phong bì màu trắng, có đầy đủ chữ ký của những người tham gia và đóng dấu đỏ của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn D – Luật sư Trần Thị T trình bày: Nhất trí với cáo trạng truy tố bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân điều kiện hoàn cảnh phạm tội do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định, bị cáo sinh sống ở vùng biên giới thông thạo địa hình địa phương nên khi có người thuê đưa đón người xuất cảnh trái phép bị cáo đã thực hiện mục đích để hưởng lợi về tiền công, trong vụ án này bị cáo chưa được hưởng lợi. Về nhân thân, không có tiền án, tiền sự; là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội chưa đạt. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về vật chứng: Đề nghị xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo, trả xe máy cho vợ bị cáo $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy. Về án phí: Bị cáo có đơn xin Miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Ma Văn D nhất trí với nội dung bản luận tội, không có lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị K đề nghị Tòa xem xét trả xe máy cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đối đáp phần tranh luận: Vẫn giữ nguyên ý kiến như luận tội; Về tình tiết phạm tội chưa đạt không nhất trí vì bị cáo đã đưa trót lọt người đàn ông xuất cảnh trái phép; Về vật chứng, là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Người bào chữa, bị cáo, người liên quan không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc hồi 12 giờ 40 phút ngày 24/10/2024 đối với Dương Văn H và đối tượng xuất cảnh trái phép Hoàng Tuyết H2; Biên bản nhận dạng Hoàng Tuyết H2 đối với bị cáo Ma Văn D; Biên bản ghi lời khai đối với Dương Văn H, Hoàng Tuyết H2; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại di động thu giữ của Hoàng Tuyết H2 cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận: Ngày 23/10/2024 Ma Văn D được một người không rõ họ tên địa chỉ tổ chức cho 03 người xuất cảnh trái phép từ thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng sang Trung Quốc với tiền công là 2.500.000 đồng, D đồng ý. Khoảng 12 giờ ngày 24/10/2024 tại khu vực mốc 738 thuộc địa phận xóm N, thị trấn T, huyện T, D đang đưa 03 người để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng phát hiện. Do chưa đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc trót lọt nên D chưa nhận được tiền công.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích để hưởng lợi về tiền công. Tuy bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình tổ chức cho 03 công dân xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nhưng không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định. Hành vi của Ma Văn D đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do điều kiện kinh tế khó khăn, tại địa phương không có việc làm ổn định; xuất phát từ nhu cầu đi sang Trung Quốc lao động của một số công dân; nhận thức pháp luật của bị cáo và những người đi lao động còn tồn tại nhiều hạn chế, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, biết hành vi của bản thân vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc bị cáo tự ý đón công dân Trung Quốc vào Việt Nam không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp và làm ảnh hưởng đến sự chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh đối với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày 23/7/2014 về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” tại Bản án số 04/2014/HSST ngày 23/7/2014, đã được xóa án tích.

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; do vậy, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để xử lý nghiêm người phạm tội, đồng thời tuyên truyền pháp luật trong quần chúng nhân dân về hành vi xuất, nhập cảnh trái phép.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ, hội đồng xét xử nên cần xem xét chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa đề nghị xử bị cáo mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị là không tương xứng với tính chất mức độ hành vi bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của người bào chữa về xử lý vật chứng, không có căn cứ chấp nhận vì đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Hội đồng xét xử thấy bị cáo chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, không có việc làm ổn định; do đó không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Việc xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô Biển kiểm soát: 11B1-187.91, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: YAMAHA: Về nguồn gốc chiếc xe do bị cáo Ma Văn D mua khoảng tháng 9 năm 2023 tại cửa hàng xe máy cũ tên Quốc Đ tại Thành phố C với giá tiền 7.000.000đ, không làm thủ tục mua bán xe. Tại phiếu trả lời xác minh xe của Phòng Công an tỉnh C thì chủ xe là Phan Thị T1, địa chỉ: N, C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Tại Biên bản ghi lời khai đối với Phan Thị T1 khai chiếc xe này là của bà, vào tháng 4 năm 2023 bà bán cho cửa hàng Q, khi bán có kèm theo giấy tờ xe. Xét thấy chiếc xe mô tô là công cụ, phương tiện Ma Văn D dùng vào việc phạm tội, nên cần xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với bị cáo 01 điện thoại di động.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với Dương Văn H là người được Ma Văn D chở thuê người. Quá trình điều tra xác định được H không biết việc D thuê H chở người để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với những người xuất cảnh trái phép, Cơ quan điều tra đã tiến hành thông tin đến chính quyền địa phương để tuyên truyền giáo dục về việc chấp hành quy định về xuất nhập cảnh.

Đối với người thuê, người giao, người nhận những người xuất cảnh trái phép trong vụ án. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên không có căn cứ để mở rộng điều tra làm rõ.

[8] Về án phí: Xét đơn xin miễn án phí của bị cáo và đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo được miễn án phí hình sự theo quy định tại Điều 12 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là có căn cứ chấp nhận, xử bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ma Văn D phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ma Văn D **24** tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 25/10/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo:

- 01 (một) xe mô tô Biển kiểm soát: 11B1-187.91, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS FI, màu sơn: Đen Xám; số máy: E3T6E142635, số khung: RLCUE1710GY095030, dung tích xi lanh: 113cm³, số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2016, xe đã qua sử dụng, yên xe bị bục rách, vỏ xe có nhiều vết xước đã cũ; Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C thu giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nói trên (có 01 chìa khóa xe kèm theo).

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 08/11/2024 của Phòng C Công an tỉnh C.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A31, màu đỏ, đã qua sử dụng được niêm phong trong 01 (một) phong bì màu trắng, có đầy đủ chữ ký của những người tham gia và đóng dấu đỏ của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C.

Vật chứng nêu trên đã chuyển cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 52 ngày 23/01/2025.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ma Văn D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Bị cáo Ma Văn D có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Phòng KTNV&THA;
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Biên Hòa